

Sách Giô-ên và Giáo Hội Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Ba Mươi Hai

Jeff Pippenger

2026-01-20

Số Ba Mươi Hai

Đó là một hành trình chậm rãi để đi tới sách Giô-ên, với Phêrô làm chứng nhân cho chúng ta. Phêrô là một trong những biểu tượng kỳ diệu nhất trong Lời tiên tri của Thiên Chúa; nhưng chẳng phải tất cả đều như vậy sao? Phêrô hiện diện tại Caesarea Philippi; ông cũng có mặt trong phòng cao vào dịp Lễ Ngũ Tuần lúc giờ thứ ba, rồi ở đền thờ vào giờ thứ chín của cùng ngày. Giê-su bị đóng đinh vào giờ thứ ba và đã chết vào giờ thứ chín. Phêrô được gọi đến Caesarea vào giờ thứ chín; nhưng thành Caesarea mà ông được gọi đến trong câu chuyện về Cornelius không phải là Caesarea Philippi dưới chân núi Hermon, mà là Caesarea bên bờ biển, gọi là Caesarea Maritima.

Caesarea Maritima là một thành phố ven biển trên Địa Trung Hải, cách Tel Aviv hiện đại về phía bắc khoảng 30–35 dặm (được Herod the Great xây dựng như một thành cảng La Mã tráng lệ). Thành này xuất hiện thường xuyên trong sách Công vụ (được nhắc đến 15 lần), và chính là địa danh mà trong Tân Ước, khi nói đơn giản “Caesarea” thì phần lớn là chỉ nơi này. Philip the Evangelist cư trú tại đó với bốn người con gái nói tiên tri của ông (Công vụ 8:40; 21:8). Paul bị giam giữ tại đó hai năm, ra hầu trước các tổng trấn Felix và Festus, và Vua Agrippa (Công vụ 23–26). Có lẽ còn quan trọng hơn, Peter đã rao giảng cho viên đại đội trưởng La Mã Cornelius tại đây—sự hoán cải lớn đầu tiên của dân ngoại sang Kitô giáo (Công vụ 10)—vào năm 34 sau Công nguyên, khi tuần lễ mà Đấng Christ đã xác nhận giao ước với nhiều người kết thúc.

Người ấy sẽ củng cố giao ước với nhiều người trong một tuần lễ; vào giữa tuần lễ, người ấy sẽ làm cho hy tế và lễ dâng chấm dứt; và vì sự lan tràn của những điều góm ghiếc, người ấy sẽ khiến nơi ấy trở nên hoang tàn, cho đến tận cùng; và án đã định sẽ được tuân đồ trên chốn hoang tàn. Đa-ni-ên 9:27.

Caesarea Maritima từng là thủ phủ hành chính của La Mã tại Giu-đêa và là một trung tâm lớn của dân ngoại. Caesarea Philippi là một thành phố khác, nằm ở cực bắc, gần chân núi Héc-môn (cách Biển Ga-li-lê khoảng 25–30 dặm về phía bắc), thuộc khu vực nay là Cao nguyên Gô-lan (Banias hiện đại). Thành này chỉ được nhắc đến trong các sách Tin Mừng (Mát-thêu 16:13 và Mác-cô 8:27), khi Đức Giê-su dẫn các môn đệ của Người đến Caesarea Philippi. Đây là địa điểm nổi tiếng nơi Phê-rô tuyên xưng rằng Đức Giê-su là “Đấng Mê-sia, Con của Thiên Chúa hằng sống,” và nơi Đức Giê-su tuyên bố: “Trên vàng đá này, Ta sẽ xây dựng Hội Thánh của Ta, và các cửa Âm phủ sẽ không thắng nổi” (Mát-thêu 16:13–20). Đó là một vùng ngoại giáo với các đền thờ các thần Hy Lạp, đặc biệt là thần dê Pan; hang của Pan được gọi là “cửa địa ngục,” khiến tuyên bố của Đức Giê-su tại đó càng đặc biệt gây ấn tượng.

Hai thành phố này hoàn toàn tách biệt về mặt địa lý và lịch sử—một là hải cảng La Mã sầm uất ở phía tây nam, còn thành kia là một địa điểm Hy Lạp hóa/ngoại giáo ở miền bắc, gần thượng nguồn

sông Giô-đanh. Thành ven biển chiếm vị trí nổi bật trong sách Công Vụ các Sứ Đồ, còn thành phía bắc giữ vai trò trung tâm trong một khoảnh khắc then chốt của các sách Phúc Âm. Xê-sa-rê bên biển là biểu tượng của Rô-ma—con thú, còn Xê-sa-rê trên đất liền là biểu tượng của con rồng. Bà White xác định giai đoạn từ Thập Tự Giá đến Lễ Ngũ Tuần, "mùa Ngũ Tuần," khởi đầu tại Thập Tự Giá và kết thúc vào Lễ Ngũ Tuần.

Với niềm khao khát tha thiết, tôi trông đợi thời điểm khi những sự kiện trong ngày Lễ Ngũ Tuần sẽ được lặp lại với quyền năng còn lớn hơn cả khi ấy. Giảng nói: "Tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đất được chiếu sáng bởi vinh quang của người ấy." Bây giờ, như vào dịp Lễ Ngũ Tuần, dân chúng sẽ nghe lẽ thật được nói với họ, mỗi người bằng tiếng riêng của mình.

"Đức Chúa Trời có thể thổi sự sống mới vào mọi linh hồn chân thành ước ao phục vụ Ngài, và có thể chạm đến đôi môi bằng một viên than hồng lấy từ trên bàn thờ, khiến môi miệng họ trở nên hùng hồn cất lời ngợi khen Ngài. Hàng ngàn tiếng nói sẽ được tràn đầy quyền năng để công bố những lẽ thật kỳ diệu của Lời Đức Chúa Trời. Lưỡi nói lấp sẽ được mở, và người rụt rè sẽ được làm cho mạnh mẽ để làm chứng cách can đảm cho lẽ thật. Nguyên Chúa giúp dân Ngài thanh tẩy đền thờ linh hồn khỏi mọi ô uế, và duy trì mối liên hệ mật thiết với Ngài đến nỗi họ có thể dự phần vào cơn mưa cuối mùa khi nó được tuôn đổ." Review and Herald, ngày 20 tháng 7, 1886.

Xét về phương diện nghi lễ, mùa Ngũ Tuần bắt đầu từ Lễ Trái đầu mùa, vốn trùng với sự phục sinh của Đấng Christ; nhưng nếu không có sự chết trên thập tự giá thì đã chẳng có huyết để Đấng Cứu Chuộc, khi sống lại, mang theo với Ngài. Không có sự chết của Ngài, thì chính Ngài, là Bánh của sự sống, đã không nghỉ yên trong ngày của Lễ Bánh Không Men; và Bánh của sự sống cần phải nghỉ yên trước khi Ngài trở dậy vào ngày Lễ Trái đầu mùa, qua đó mở đầu giai đoạn năm mươi ngày dẫn đến ngày và kỳ lễ Ngũ Tuần.

Khi Đấng Christ đến để lập vãng giao ước trong một tuần lễ, tuần lễ ấy khởi đầu với phép báp-têm của Ngài; rồi "giữa tuần lễ," tức ba năm rưỡi sau, Ngài bị đóng đinh, yên nghỉ trong mộ vào ngày Lễ Bánh Không Men, và sống lại vào ngày Chúa nhật là dịp Lễ Đầu Mùa của mùa gặt lúa mạch, qua đó khởi đầu mùa Ngũ Tuần kéo dài năm mươi ngày, đạt đến Lễ Đầu Mùa của lúa mì. Từ thập tự giá cho đến hết tuần lễ, tức ba năm rưỡi sau, thời kỳ bảy năm đã đi đến hồi kết với Cornelius ở Caesarea Maritima, người đã trở thành người ngoại bang đầu tiên cải đạo vào Hội Thánh Cơ Đốc, vào cuối tuần lễ, năm 34 SCN.

Tuần lễ khi Đấng Christ đến để xác nhận giao ước, theo phép tính tiên tri, là 2.520 ngày, và thập tự giá ở "giữa tuần lễ", nên đó là 1.260 ngày sau phép báp-têm và 1.260 ngày trước khi Cornelius được cải đạo. Trên thập tự giá, Đấng Christ bị đóng đinh vào giờ thứ ba, và Ngài tắt thở vào giờ thứ chín. Đó là khởi đầu của mùa Lễ Ngũ Tuần; và đến hồi kết (vì Đức Chúa Giê-su luôn minh họa phần cuối bằng phần đầu), vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Phi-e-ơ đã giảng bài giảng thứ nhất về sách Giô-ên lúc giờ thứ ba tại phòng cao, nơi Đấng Christ đã gỡ gỡ các môn đồ vào ngày Ngài phục sinh. Sau đó, Phi-e-ơ đã giảng bài giảng thứ hai về Giô-ên tại đền thờ vào giờ thứ chín. Rõ ràng giờ thứ ba và giờ thứ chín là một biểu tượng Anpha và Ômêga cho sự khởi đầu và kết thúc của mùa Lễ Ngũ Tuần.

Hết dòng này đến dòng khác, khi chúng ta đặt giờ thứ ba và giờ thứ chín của hai biển cố này tương ứng với nhau, chúng ta thấy khoảng sáu giờ như một thời đoạn tiên tri; và cả hai biển cố đều làm chứng về một sự phân rẽ. Đấng Christ đi từ sự sống đến sự chết rồi trở lại sự sống. Ngài đi từ trần gian lên trời rồi trở lại trần gian. Phi-e-rơ ở bên ngoài rồi vào bên trong đền thờ. Dĩ nhiên còn có những đối chiếu song song khác giữa giờ thứ ba và giờ thứ chín, nhưng trước hết chúng ta cần xem xét Phi-e-rơ, Cọt-nây và Sê-sa-rê bên bờ biển.

Cũng như những phân kỳ mang tính tiên tri được biểu trưng qua sáu giờ, khi thiên sứ được sai đến với Corneliô để chỉ dẫn ông sai người đến mời Phê-rô, ấy là vào giờ thứ chín.

Tại Caesarea có một người tên là Cornelius, một viên bách phu trưởng của đội binh gọi là Đội Italia, là người đạo đức và kính sợ Đức Chúa Trời cùng với cả nhà mình, rộng rãi bố thí cho dân chúng, và hằng cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời. Vào khoảng giờ thứ chín trong ngày, ông thấy rõ ràng trong một khải tượng có một thiên sứ của Đức Chúa Trời vào với ông và gọi rằng: “Cornelius.” Ông nhìn chăm vào thiên sứ thì sợ hãi và thưa: “Lạy Chúa, có việc gì?” Thiên sứ nói với ông: “Lời cầu nguyện và sự bố thí của người đã lên trước mặt Đức Chúa Trời làm sự tưởng niệm. Bây giờ hãy sai người đến Joppa và gọi một người tên là Simon, cũng gọi là Peter.” Công vụ các Sứ đồ 10:1-5.

Sự xuất hiện của một thiên sứ là biểu tượng của một sứ điệp và của một dấu mốc; và thiên sứ xác nhận rằng đó là một dấu mốc khi ngài phán: “Lời cầu nguyện và sự bố thí của người đã lên làm sự tưởng niệm trước mặt Đức Chúa Trời.” Dấu mốc của sự kết thúc tuần lễ là việc Cọt-nây sai gọi Phi-e-rơ vào giờ thứ chín sau khi đã kiêng ăn bốn ngày, và điều ấy được gọi là một “tưởng niệm”, tức là một dấu mốc. Là một “bách phu trưởng”, Cọt-nây là một viên chỉ huy trăm người.

Trong Ma-thi-ơ đoạn mười sáu, khi Phi-e-rơ ở tại Sê-sa-rê Phi-líp, không hề có sự nhắc đến bất kỳ giờ khắc nào. Sê-sa-rê Phi-líp là tên của thành vào thời điểm Chúa Giê-su dẫn các môn đồ đến đó. Trong phần lịch sử ở Đa-ni-ên đoạn mười một, các câu mười ba đến mười lăm—những câu đã được ứng nghiệm trong trận chiến Panium và tiên trưng cho cuộc chiến dẫn đến luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ—Sê-sa-rê Phi-líp được gọi là Panium. Phi-e-rơ ở trong các câu mười ba đến mười lăm khi ông ở tại Sê-sa-rê Phi-líp, tức là Panium.

Việc nhận định rằng Trận Panium là sự ứng nghiệm của các câu 13–15 trong Đa-ni-ên đoạn 11, và rằng các câu ấy cùng lịch sử của Trận Panium xác định một cuộc chiến dẫn đến luật ngày Chủ nhật tại Hoa Kỳ, chính là cách thức mà phương pháp luận “dòng trên dòng” được thiết kế để vận hành. Việc áp dụng phương pháp luận ấy đòi hỏi rằng Caesarea Philippi và Panium phải được đặt song hành, vì quy tắc chủ đạo của lời tiên tri đề cập đến lẽ thật này là: “mỗi vị tiên tri thời xưa nói cho thời đại của chúng ta nhiều hơn cho thời đại họ sống.” Phao-lô còn thêm rằng “thần linh của các tiên tri phục tùng các tiên tri”, nên không những tất cả đều chỉ ra thời kỳ sau rốt, mà họ còn đồng thuận.

Vì lẽ đó, nếu và khi Panium được xác định trong Lời tiên tri của Đức Chúa Trời là Panium, rồi về sau là Sê-sa-rê Phi-líp, thì cả hai phải được áp dụng trong những ngày sau rốt, và chúng phải tương hợp với nhau, vì đó là cùng một thành.

Song song với mạch lập luận này, tuy có phần khác biệt, là Xêdarê Philípphê và Xêdarê Duyên Hải. Phêrô đã cùng với Đức Kitô đi đến Xêdarê Philípphê, nhưng ông được Chúa Thánh Thần sai đến Xêdarê Duyên Hải. Tuy vậy, tại cả hai Xêdarê, chính Phêrô là nhân vật giao ước chủ chốt. Điều kỳ diệu trong mạch này là: vào giờ thứ chín, Cornêliô đã được thiên thần viếng thăm và được chỉ dạy sai người mời Phêrô. Phêrô tại Xêdarê là một biểu tượng ngôn sứ, nhưng hai Xêdarê ấy khác biệt rõ rệt. Một là Xêdarê bên bờ biển, còn một là Xêdarê trên đất. Xêdarê bên bờ biển gắn liền với Dân Ngoại, và Cornêliô là người Dân Ngoại đầu tiên được hoán cải, đúng vào cuối tuần giao ước năm 34 SCN. Xêdarê bên bờ biển là giờ thứ chín và tương ứng với Phêrô tại Đền thờ vào Lễ Ngũ Tuần, cũng như với cái chết của Đức Kitô vào giờ thứ chín.

Caesarea ở đất liền, tức là Caesarea Philippi, tương ứng với giờ thứ ba. Không có lựa chọn nào khác. Caesarea Philippi ở phần khởi đầu, là giờ thứ ba; còn Caesarea Maritima ở phần kết, là giờ thứ chín. Philippi là Anpha của thời kỳ sáu giờ, còn Maritima là Ômêga. Ômêga vào giờ thứ chín là sự chết của Đấng Christ ở chính giữa tuần lễ giao ước; và Phi-e-rơ trong đền thờ vào Lễ Ngũ Tuần cũng là giờ thứ chín. Việc Cọt-nê-li-út sai người thỉnh mời Phi-e-rơ tương ứng với sự chết của Đấng Christ, vốn làm hình bóng cho luật ngày Chủ nhật; và cũng với Phi-e-rơ trong đền thờ vào Lễ Ngũ Tuần, điều này một lần nữa làm hình bóng cho luật ngày Chủ nhật. Cọt-nê-li-út, với tư cách là người ngoại bang cải đạo đầu tiên, đại diện cho người thợ giờ thứ mười một đầu tiên vào thời điểm luật ngày Chủ nhật.

Giờ thứ ba khi Đức Kitô bị đóng đinh, và giờ thứ ba khi Phêrô ở trong thượng phòng, ất hẳn, và chỉ có thể, biểu trưng cho Caesarea Philippi. Thượng phòng nơi Phêrô ở vào ngày Lễ Ngũ Tuần chính là cùng một thượng phòng nơi Đức Kitô đã hiện ra sau khi Người phục sinh, thăng thiên và giáng xuống. Đức Kitô đã đến thượng phòng, rồi năm mươi ngày sau, vào ngày Lễ Ngũ Tuần, Phêrô đã công bố sứ điệp của sách Giô-ên tại chính thượng phòng ấy.

Caesarea Philippi là giờ thứ ba trùng với sự đóng đinh và với phòng cao trong Lễ Ngũ Tuần. Sự đóng đinh là một biểu tượng của sự tán lạc, còn phòng cao là một biểu tượng của sự hiệp nhất. Điều này xác định Caesarea Philippi như điểm ngay trước luật ngày Chủ nhật, nơi một nhóm bị tán lạc, còn nhóm kia được quy tụ. Khi lịch sử của Trận chiến Panium bắt đầu tái diễn, các trinh nữ khờ dại và khôn ngoan sẽ vĩnh viễn bị phân rẽ, và họ sẽ bị phân rẽ vì có thập tự giá, là điều tượng trưng cho sự đến gần của luật ngày Chủ nhật. Chính tại Caesarea Philippi, Đấng Christ bắt đầu dạy về luật ngày Chủ nhật đang đến gần. Khi Ngài làm như vậy, Phi-e-rơ đã phản đối sứ điệp; vì thế, chỉ trong chín câu, Phi-e-rơ đại diện cho những người được đóng ấn và những người bị tán lạc bởi sứ điệp của thập tự giá, tức là luật ngày Chủ nhật.

Ngài phán cùng họ rằng: Còn các ngươi thì nói Ta là ai?

Và Si-môn Phi-e-rơ đáp rằng: Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống.

Đức Giê-su đáp và phán cùng người rằng: Hỡi Si-môn Ba Giô-na, ngươi có phúc; vì chẳng phải xác thịt và huyết đã tỏ điều ấy cho ngươi, nhưng là Cha Ta ở trên trời. Ta lại nói cùng ngươi rằng: ngươi là Phi-e-rơ, và trên vầng đá này Ta sẽ xây dựng Hội Thánh của Ta; và các cửa Âm phủ sẽ không thắng nổi Hội Thánh ấy. Ta sẽ trao cho ngươi các chìa khóa của Nước Trời; điều gì ngươi ràng buộc ở dưới đất thì ở trên trời cũng sẽ được ràng buộc; và điều gì

ngươi tháo cỏi ở dưới đất thì ở trên trời cũng sẽ được tháo cỏi.

Bấy giờ, Ngài nghiêm truyền các môn đồ không được nói cho ai biết rằng Ngài là Giê-su, là Đấng Christ. Từ lúc ấy, Ngài bắt đầu tỏ cho các môn đồ biết rằng Ngài phải đi đến Giê-ru-sa-lem, chịu nhiều đau khổ bởi các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, bị giết, và đến ngày thứ ba thì được sống lại.

Bấy giờ Phi-e-rơ đem Ngài riêng ra, và bắt đầu quở trách Ngài, nói rằng: Lạy Chúa, nguyện điều ấy chớ đến cùng Ngài; điều ấy sẽ chẳng xảy đến cho Ngài.

Nhưng Ngài quay lại và phán với Phi-e-rơ: “Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta! Ngươi là có vấp phạm cho Ta; vì ngươi chẳng lưu tâm đến những điều thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng đến những điều thuộc về loài người.” Ma-thi-ơ 16:15-23.

Sự kiện đóng đỉnh vào giờ thứ ba và sứ điệp của Phi-e-rơ tại phòng cao sắp đặt sự chuyển tiếp tiên tri của Hội Thánh chiến đấu—được định nghĩa là Hội Thánh có cả lúa mì và cỏ lùng—hướng tới Hội Thánh khai hoàn. Hội Thánh khai hoàn là lễ dâng đầu mùa bằng lúa mì của Lễ Ngũ Tuần, tức là luật ngày Chủ Nhật. Khi cỏ lùng và lúa mì đạt tới độ chín, các thiên sứ phân rẽ hai hạng. Chính cơn mưa bắt đầu rơi lâm tẩm vào 9/11 khiến lúa mì và cỏ lùng đi đến chỗ chín muồi.

Một khoảng thời gian sáu giờ tượng trưng cho lịch sử của kỳ nhóm trại tại Exeter cho đến ngày 22 tháng 10 năm 1844, cuộc khai hoàn nhập thành của Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem, và việc vua Đa-vít vào Giê-ru-sa-lem cùng với hòm giao ước. Giờ thứ chín cũng là thời điểm của lễ tế buổi chiều, vào khoảng 3 giờ chiều.

Vậy, đây là điều ngươi phải dâng trên bàn thờ: hai con chiên một tuổi, hằng ngày không thối. Con chiên thứ nhất ngươi sẽ dâng vào buổi sáng; còn con chiên kia ngươi sẽ dâng vào buổi chiều tối. Xuất Ê-díp-tô Ký 29:38, 39.

Từ được dịch là "even" đôi khi được biểu đạt là "between the evenings." "Between the evenings" chỉ khoảng thời gian sáu giờ giữa giờ thứ ba và giờ thứ chín. Tuần giao ước của Đấng Christ biểu trưng cho khoảng sáu giờ tại thập tự giá, vốn trở thành alpha của khoảng sáu giờ vào Lễ Ngũ Tuần. Có hai nhân chứng trong tuần giao ước xác định một giai đoạn sáu giờ, trực tiếp liên hệ không chỉ với lời tiên tri về tuần thiêng liêng, mà còn với các biểu tượng của mùa Ngũ Tuần. Rồi vào lúc kết thúc chính tuần tiên tri ấy, Phi-e-rơ được gọi đến Sê-sa-rê vào giờ thứ chín. Thực tế rằng có ba giờ thứ chín trong cùng một cấu trúc tiên tri của tuần thiêng liêng—trong đó hai giờ là những điểm kết omega của một giai đoạn sáu giờ, vốn cũng là khoảng giữa của các của lễ buổi sáng và buổi chiều—đòi hỏi, theo tính tất yếu tiên tri, rằng phải có một giờ thứ ba tồn tại như alpha của một giai đoạn kết thúc tại giờ thứ chín của Cột-nây.

Hai thành Caesarea, cả hai đều có Phê-rô là nhân vật trung tâm, xác định Caesarea Philippi là giờ thứ ba. Khoảng thời gian sáu giờ đó khởi đầu và kết thúc tại Caesarea, vì sự kết thúc được minh họa bởi sự khởi đầu.

Con chiên Lễ Vượt Qua phải được sát tế vào buổi chiều, tức vào giờ thứ chín—khi Đức Kitô chịu chết.

Các người phải gìn giữ nó cho đến ngày mười bốn của tháng ấy; và toàn thể hội chúng của cộng đồng Y-sơ-ra-ên sẽ giết nó vào lúc chiều tối. Xuất Ê-díp-tô Ký 12:6.

Giờ cầu nguyện cũng là giờ thứ chín, vì ấy là lúc dâng tế lễ chiều.

Nguyện lời cầu nguyện của con được trình dâng trước mặt Ngài như hương; và sự giơ tay của con như của lễ ban chiều. Thi Thiên 141:2.

Phù hợp với thực tế rằng lễ dâng buổi chiều là giờ cầu nguyện, Êxora cầu nguyện vào lúc lễ dâng buổi chiều; như vậy ông cầu nguyện vào giờ thứ chín, khi Phêrô ở trong đền thờ, khi Đức Kitô chịu chết, và khi Cornêliô được truyền sai người đi mời Phêrô.

Đến lúc dâng của lễ chiều, tôi chỗi dậy khỏi nỗi sầu não của mình; và đã xé áo và áo choàng mình, tôi quỳ gối xuống, giang tay tôi ra hướng về Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời tôi. Ê-xo-ra 9:5.

Trong lời cầu nguyện của mình, Êxora ăn năn thống hối sau khi nhận ra rằng những người đã ra khỏi Ba-by-lôn để tái thiết Đền thờ và Giê-ru-sa-lem đã kết hôn với các phụ nữ ngoại bang.

Và, khi Ê-xo-ra đã cầu nguyện và đã xưng tội, khóc lóc và sấp mình xuống trước nhà Đức Chúa Trời, thì từ Y-sơ-ra-ên có một hội chúng rất lớn gồm đàn ông, đàn bà và trẻ con nhóm lại đến cùng người; vì dân sự khóc lóc thảm thiết. Và Sê-khanh-gia, con của Giê-hi-ên, một trong các con trai của Ê-lam, đáp và nói cùng Ê-xo-ra rằng: Chúng tôi đã phạm tội đối với Đức Chúa Trời chúng ta, và đã cưới những vợ lạ thuộc dân trong xứ; dầu vậy, hiện nay về việc này vẫn còn hy vọng cho Y-sơ-ra-ên. Bởi vậy, bây giờ chúng ta hãy lập giao ước với Đức Chúa Trời chúng ta để đuổi hết thầy các vợ ấy và những con cái sanh bởi họ, theo lời khuyên của chúa tôi và của những kẻ run sợ trước điều răn của Đức Chúa Trời chúng ta; và hãy làm việc ấy theo luật pháp. Hãy chỗi dậy; vì việc này thuộc về ngài; chúng tôi cũng sẽ ở với ngài; hãy vững lòng và làm đi.

Bấy giờ Ê-xo-ra đứng dậy, buộc các thầy tế lễ cả, người Lê-vi, và cả Y-sơ-ra-ên thề rằng họ sẽ làm theo lời này. Và họ đã thề. Rồi Ê-xo-ra đứng dậy từ trước nhà Đức Chúa Trời, đi vào phòng của Giô-ha-nan, con trai Ê-li-a-síp; đến đó, người chẳng ăn bánh cũng chẳng uống nước, vì người than khóc về sự phạm tội của những kẻ đã bị bắt đi lưu đày. Và họ truyền rao một sắc lệnh khắp Giu-đa và Giê-ru-sa-lem đến hết thầy con cái của đoàn lưu đày, rằng họ phải nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem; và rằng ai không đến trong vòng ba ngày, theo nghị quyết của các thủ lĩnh và các trưởng lão, thì mọi tài sản của người ấy sẽ bị tịch thu, và chính người ấy sẽ bị dứt khỏi hội chúng của những kẻ đã bị bắt đi lưu đày. Bấy giờ hết thầy những người Giu-đa và Bên-gia-min đều nhóm lại tại Giê-ru-sa-lem trong vòng ba ngày. Lúc ấy là tháng thứ chín, ngày hai mươi của tháng; và cả dân sự ngồi nơi sân nhà Đức Chúa Trời, run rẩy vì việc này và vì mưa lớn. Ê-xo-ra 10:1-9.

Giao ước của một trăm bốn mươi bốn nghìn người được trình bày như một sự tách biệt khỏi những người đã lấy vợ ngoại bang. Đây là sự tách biệt giữa các trinh nữ khôn và dại, và nó diễn ra vào giờ thứ chín, tức là sự chết của Đấng Christ, Phi-e-ro tại đền thờ vào ngày Lễ Ngũ Tuần, và Phi-e-ro được gọi đến Sê-sa-rê bên bờ biển. Sự tách biệt của Ê-xo-ra cũng là sự tẩy luyện những người Lê-vi bởi Sứ giả của Giao ước trong Ma-la-chi chương ba. Sự tẩy luyện trong Ma-la-chi minh họa

hai lần thanh tẩy đền thờ của Đấng Christ.

Khi thanh tẩy đền thờ khỏi những kẻ mua bán của thế gian, Đức Chúa Giê-xu tuyên bố sứ mạng của Ngài là thanh tẩy tấm lòng khỏi sự ô uế của tội lỗi—khỏi những ham muốn trần tục, những dục vọng ích kỷ, những thói quen xấu xa làm bại hoại linh hồn. Ma-la-chi 3:1-3 được trích dẫn. Khát vọng của các thời đại, 161.

Ê-xo-ra và những người bước vào giao ước được truyền phải "chỗi dậy", còn Giô-suê được truyền hãy đứng lên sau khi mọi kẻ phản nghịch đã chết trong suốt ba mươi tám năm. Dân Y-so-ra-ên thời xưa mất hai năm để thất bại qua mười lần thử thách, và ba mươi tám năm sau thì những kẻ phản nghịch đều đã chết, và Đức Chúa Trời phán bảo họ hãy chỗi dậy.

Ta nói: “Bây giờ, hãy đứng dậy và vượt qua khe Zered.” Và chúng ta đã vượt qua khe Zered. Và khoảng thời gian từ khi chúng ta ra khỏi Kadeshbarnea cho đến khi chúng ta vượt qua khe Zered là ba mươi tám năm, cho đến khi cả thế hệ những người chiến trận đều tiêu hao hết khỏi giữa đạo binh, như Đức Giê-hô-va đã thề cùng họ. Phục Truyền Luật Lệ Ký 2:13, 14.

Trong Giao ước năm, Đức Giê-su đã chữa lành người bắt toại đã ở trong tình trạng ấy suốt ba mươi tám năm; và khi Ngài chữa lành người ấy, Ngài phán với người: "Hãy đứng dậy."

Vì vào một kỳ nhất định có một thiên sứ xuống hồ và khuấy động nước; bấy giờ ai bước xuống trước hết, sau khi nước bị khuấy động, thì được chữa lành khỏi bất cứ bệnh tật nào mình mắc. Và tại đó có một người mắc bệnh đã ba mươi tám năm. Khi Đức Chúa Giê-xu thấy người ấy nằm đó, và biết rằng người đã ở trong tình trạng ấy đã lâu, Ngài phán cùng người rằng: Người có muốn được lành chăng?

Người bại tật đáp rằng: Thưa ông, tôi không có người nào, khi nước bị khuấy động, đưa tôi xuống hồ; nhưng trong lúc tôi đang đến, thì có người khác bước xuống trước tôi.

Đức Chúa Jê-sus phán cùng người ấy rằng: Hãy chỗi dậy, vác giường người mà đi. Tức thì người ấy được lành, vác giường mình mà đi; và chính ngày đó là ngày Sa-bát. Giảng 5:4-9.

Trong minh họa của Ê-xo-ra về giao ước của một trăm bốn mươi bốn nghìn, dân sự được kêu gọi “chỗi dậy”. Năm 1838, Josiah Litch, một nhà giảng đạo Millerite nổi bật, đã tiên đoán sự chấm dứt quyền bá chủ của Đế quốc Ottoman vào khoảng năm 1840; và sứ điệp Millerite đã trỗi dậy, rồi được củng cố bởi sự ứng nghiệm chính xác vào ngày 11 tháng 8 năm 1840. Việc tôn cao Hội thánh khai hoàn bao gồm một lời tiên báo khiến dân sự của Đức Chúa Trời chỗi dậy khi giao ước được thiết lập. Trong sự tách bỏ các vợ ngoại bang trong sách Ê-xo-ra, chúng ta thấy sự luyện sạch người Lê-vi của Ma-la-chi, và cũng thấy hai lần Đấng Christ thanh tẩy đền thờ; và mỗi dòng đều xác định một sự phân rẽ giữa lúa mì và cỏ lùng, điều được hoàn tất khi Đấng Christ vĩnh viễn loại bỏ tội lỗi khỏi lòng của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Giờ thứ chín của Đấng Christ, và hai giờ thứ chín của Phi-e-rơ, cùng với lời cầu nguyện xin thanh tẩy của Ê-xo-ra, đều tương ứng với luật Chủ nhật, khi mưa rào mùa sau sẽ được tuôn đổ cách không hạn lượng. Trong Đa-ni-ên chương chín, Đa-ni-ên nhận được lời đáp cho các lời thỉnh nguyện của mình vào lúc dâng của lễ chiều, tức là giờ thứ chín.

Phải, đang khi tôi nói trong lời cầu nguyện, thì chính người nam Gabriel, mà tôi đã thấy trong khải tượng ban đầu, được khiến bay mau lẹ, chạm đến tôi vào khoảng thì giờ dâng lễ chay buổi

chiều. Đa-ni-ên 9:21.

Chúng ta được cho biết rằng những khái tượng được ban cho Đa-ni-ên bên các sông lớn của Si-nê-a hiện đang trong tiến trình ứng nghiệm, và rằng chúng ta phải xem xét bối cảnh khi các lời tiên tri ấy được ban ra.

Ánh sáng mà Daniel nhận được từ Đức Chúa Trời đã được ban đặc biệt cho những ngày sau rốt này. Những khái tượng ông đã thấy bên bờ Ulai và Hiddekel, những con sông lớn của Shinar, hiện đang được ứng nghiệm, và tất cả những biến cố đã được tiên báo sẽ sớm xảy ra.

“Hãy suy xét bối cảnh của dân tộc Do Thái khi các lời tiên tri của Đa-ni-ên được ban ra.”
Testimonies to Ministers, 113.

Ánh sáng của các khái tượng gắn liền với các sông Hiddekel và Ulai tượng trưng cho sáu chương cuối của chương mười một sách Đa-ni-ên. Trong chương chín, được biểu trưng bởi sông Ulai, Đa-ni-ên được ban ánh sáng về các chương bảy, tám và chín. Trong chương mười, được biểu trưng bởi sông Hiddekel, Đa-ni-ên được ban ánh sáng về các chương mười, mười một và mười hai. Những dữ kiện tiên tri được biểu trưng không chỉ bởi các biến cố tiên tri được trình bày trong các chương, mà còn bởi chính Đa-ni-ên, vì chúng ta phải xét đến hoàn cảnh của dân tộc Do Thái khi các lời tiên tri được ban ra.

Chúng ta phải áp dụng những suy xét ấy cho thời kỳ sau rốt và đối chiếu chúng với những chứng ngôn của vị tiên tri khác. Điều này có nghĩa là: cũng như Phi-e-rơ ở tại Caesarea Philippi và cũng ở tại Caesarea Maritima, thì Đa-ni-ên được Ga-bri-ên viếng thăm vào giờ thứ chín trong chương chín, và ông được viếng thăm vào ngày thứ hai mươi hai trong chương mười. Ánh sáng về Ulai và Hiddekel cho những ngày cuối cùng được mở ấn cho Đa-ni-ên vào giờ thứ chín của ngày thứ hai mươi hai. Ánh sáng ấy tượng trưng cho sự tuôn đổ của mưa rào mùa sau không hạn chế vào thời điểm Đạo luật Chủ nhật.

Lời chứng của Đa-ni-ên được khai mở trọn vẹn vào giờ thứ chín, vì nó chỉ ra cả lịch sử ngoại tại lẫn nội tại của những gì “xây đến” cho dân Đức Chúa Trời trong những ngày sau rốt. Khi ánh sáng ấy được rao truyền, các Dân ngoại, được đại diện bởi Cọt-nây, sẽ cho gọi một trăm bốn mươi bốn nghìn; luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ bị giết chết bởi việc cưỡng hành luật ngày Chủ nhật; và Phi-e-rơ sẽ công bố một sứ điệp cho đền thờ mà Đấng Christ đã lìa bỏ và đã gọi là ngôi nhà trống rỗng của người Do Thái. Phi-e-rơ ngỏ lời với Dân ngoại, và cũng với Thượng Hội đồng, trong khi Ê-xơ-ra khẩn nài cho sự biệt lìa, còn Đa-ni-ên thì kiêng ăn và cầu nguyện xin ánh sáng. Giờ thứ chín tại Lễ Ngũ Tuần, lúc Đấng Christ chịu chết, khi Cọt-nây cho gọi Phi-e-rơ, cùng của lễ chiều, hết thảy đều tương ứng với Ê-li trên núi Cạt-mên.

Rõ ràng rằng thời kỳ sáu giờ tượng trưng cho một giai đoạn kết thúc tại luật Chủ nhật, nhưng bắt đầu bằng một biến cố liên hệ trực tiếp với sự kết thúc ấy, như trường hợp của các của lễ buổi sáng và buổi chiều. Xét theo Phi-e-rơ, thời kỳ sáu giờ là từ Sê-sa-rê Phi-líp đến Sê-sa-rê bên bờ biển. Tại Lễ Ngũ Tuần, ấy là từ phòng cao đến đền thờ. Thời kỳ là ánh sáng rực rỡ được dựng lên ở phần khởi đầu của con đường ấy chính là Tiếng Kêu Nửa Đêm, và thời kỳ ấy kéo dài đến luật Chủ nhật. Sáu giờ, tức khoảng giữa hai buổi chiều, tượng trưng cho cuộc tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khái

hoàn của Đấng Christ; mà điều ấy lại tượng trưng cho giai đoạn từ kỳ trại nhóm tại Exeter từ ngày 12 đến 17 tháng 8 năm 1844, khai khởi cho sự công bố sứ điệp đạt đến kết cuộc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Exeter là Sê-sa-rê Phi-líp, còn Sê-sa-rê bên bờ biển là ngày 22 tháng 10 năm 1844. Khởi điểm được đánh dấu bởi Sê-sa-rê, và kết thúc cũng vậy.

Sự tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn được đánh dấu bởi một cuộc tranh cãi ở lúc khởi đầu và một cuộc tranh cãi ở lúc kết thúc. Cuộc tranh cãi tại Exeter được biểu trưng bởi sự thờ phượng giả dối đang diễn ra tại khuôn viên, trong lều Watertown. Hai sứ điệp được đại diện bởi hai lều ấy, và khi Đấng Christ vào Giê-ru-sa-lem, những người Do Thái ưa bắt bẻ đã phàn nàn về sứ điệp đang được công bố khi Ngài từ Núi Ô-liu đi xuống, cưỡi trên con lừa vừa được cỡi trối tiến vào Giê-ru-sa-lem. Cuộc tranh cãi thứ nhất và cuộc tranh cãi sau cùng xác định một An-pha và Ô-mê-ga cho thời kỳ ấy. Tại Exeter, nhóm Watertown đại diện cho một hạng người nữ không có đầu, và đối với họ cánh cửa của sự cứu rỗi đã đóng lại. Vào cuối thời kỳ ấy, cửa vào Nơi Thánh đã đóng lại, qua đó ấn định một An-pha và Ô-mê-ga cho thời kỳ ấy. An-pha và Ô-mê-ga ấy tương ứng với hai cuộc tranh cãi của sự tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn, và từ Sê-sa-rê đến Sê-sa-rê với Phi-e-rơ.

Tại Xê-sa-rê Phi-líp, tên của Si-môn Ba Giô-na được đổi thành Phi-e-rơ, trong một đoạn văn nơi ông được khen ngợi như một khí cụ của sự linh hứng, rồi bị quở trách như Sa-tan, vì chống lại sứ điệp của thập tự giá. Phi-e-rơ là biểu tượng cho hai hạng người được phân rẽ bởi sứ điệp của phép báp-têm và thập tự giá, tức là sứ điệp của 9/11 và luật ngày Chủ nhật.

"Đối với mỗi hạng người được đại diện bởi người Pha-ri-si và người thu thuế đều có một bài học trong lịch sử của sứ đồ Phi-e-rơ. Trong buổi đầu làm môn đệ, Phi-e-rơ tưởng mình mạnh mẽ. Giống như người Pha-ri-si, theo sự đánh giá của chính mình, ông 'không như những người khác.' Khi Đấng Christ, vào đêm trước khi bị phản bội, báo trước cho các môn đồ: 'Đêm nay tất cả các người sẽ vấp phạm vì cơ Ta,' Phi-e-rơ tự tin tuyên bố: 'Dầu mọi người đều vấp phạm, nhưng tôi thì không.' Mác 14:27, 29. Phi-e-rơ không biết sự nguy hiểm của chính mình. Sự tự tin đã khiến ông lầm lạc. Ông nghĩ mình có thể đứng vững trước cám dỗ; nhưng chỉ trong vài giờ ngắn ngủi, kỳ thử thách đến, và với những lời rủa sả và thề thốt, ông đã chối Chúa mình." Christ's Object Lessons, 152.

Vào giờ thứ chín, tức là giờ dâng của lễ chiều, lửa từ trời giáng xuống đáp lời cầu nguyện của Ê-li và thiêu rụi của lễ, hầu cho dân của Đức Chúa Trời biết rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời. Tại núi Cạt-mên có hai hạng người được biểu trưng: một hạng bảy giờ nhận biết rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời, và hạng kia được đại diện bởi các tiên tri của Ba-anh, là những người sau đó bị giết.

Đến giờ dâng của lễ buổi chiều, thì tiên tri Ê-li đến gần và thưa rằng: Lạy Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Y-sơ-ra-ên, hôm nay xin cho được tỏ ra rằng Ngài là Đức Chúa Trời trong Y-sơ-ra-ên, và rằng tôi là tôi tớ của Ngài, và rằng tôi đã làm mọi điều này theo lời Ngài. Lạy Đức Giê-hô-va, xin nghe tôi, xin nghe tôi, để dân này biết rằng Ngài là Đức Giê-hô-va Đức Chúa Trời, và rằng Ngài đã khiến lòng họ trở lại.

Bấy giờ lửa của Đức Giê-hô-va giáng xuống, thiêu rụi của lễ thiêu, cả củi, đá, bụi đất, và liếm hết nước ở trong rãnh. Khi cả dân sự thấy điều ấy, họ sấp mặt xuống đất và nói: Đức Giê-hô-va, chính Ngài là Đức Chúa Trời; Đức Giê-hô-va, chính Ngài là Đức Chúa Trời.

Ê-li nói với họ: “Hãy bắt các tiên tri của Baal; đừng để một ai trong số họ thoát.” Họ bèn bắt các tiên tri ấy; và Ê-li dẫn họ xuống khe suối Kishon và giết họ tại đó. 1 Các Vua 18:36-40.

Của lễ buổi chiều, sự chết của Đấng Christ, Phi-e-rơ chữa lành người què, Phi-e-rơ đem sứ điệp đến cho dân Ngoại, Đa-ni-ên tiếp nhận ánh sáng tiên tri, lời cầu nguyện của Ê-li được nhậm bằng lửa, trong khi Êxora mặc bao gai và ngồi trong tro bụi mà cầu nguyện cho sự chuyển tiếp từ Laodicea sang Philadelphia, cho sự chuyển tiếp từ Hội Thánh chiến đấu sang Hội Thánh khai hoàn. Giờ thứ chín là giờ của hy tế, giờ của lời cầu nguyện được nhậm, giờ thiên thượng chạm đến trần gian, nhịp cầu giữa phán xét và thương xót; và đó là lý do Đấng Christ chịu chết vào giờ thứ chín, vì giờ thứ chín của hy tế đã mở ra Tin Lành cho dân Ngoại, là những kẻ ngồi trong tối tăm, nhưng sẽ thấy ánh sáng lớn khi sách Đa-ni-ên được mở ra cách trọn vẹn vào lúc đạo luật Chủ nhật.

Khi Ghê-đê-ôn dâng của lễ (Các Quan Xét 6:21), Thiên sứ của Đức Chúa Trời dùng cây gậy của mình chạm vào của lễ bằng thịt và bánh không men của ông, và lửa từ tảng đá bốc lên thiêu cháy trọn vẹn của lễ ấy. Ngọn lửa ấy xác nhận lời kêu gọi của Đức Chúa Trời đối với Ghê-đê-ôn và việc Ngài chấp nhận dấu lạ.

Ông thưa với ngài: Nếu bây giờ con đã được ơn trước mặt ngài, xin tỏ cho con một dấu chứng rằng chính ngài đang nói với con. Xin chớ rời khỏi đây, cho đến khi con trở lại với ngài, mang lễ vật của con đến và đặt trước mặt ngài. Ngài nói: Ta sẽ đợi cho đến khi ngươi trở lại.

Ghê-đê-ôn bèn đi vào, chuẩn bị một dê con và bánh không men từ một ê-pha bột; thịt thì ông đặt vào một cái giỏ, còn nước canh thì ông đổ vào một cái nồi, rồi mang ra cho ngài dưới cây sồi và dâng lên. Sứ thần Thiên Chúa nói với ông: Hãy lấy thịt và bánh không men, đặt trên tảng đá này, và đổ nước canh ra. Ông liền làm như vậy. Bấy giờ Sứ thần Đức Chúa đưa đầu gậy cầm trong tay ra, chạm vào thịt và bánh không men; lửa từ tảng đá bốc lên, thiêu hủy thịt và bánh không men. Rồi Sứ thần Đức Chúa biến mất khỏi mắt ông. Khi Ghê-đê-ôn nhận ra rằng đó là Sứ thần Đức Chúa, ông nói: Than ôi, lạy Chúa là Thiên Chúa! Vì con đã thấy Sứ thần Đức Chúa mặt đối mặt. Các Quan Xét 6:17-22.

Thiên sứ hiện ra với Ghê-đê-ôn ở câu đầu của chương và gọi Ghê-đê-ôn là “một dũng sĩ mạnh bạo”, và Ghê-đê-ôn xin một dấu để chứng thực lời xưng gọi ấy. Kế đó, Ghê-đê-ôn xin thiên sứ lưu lại, và thiên sứ lưu lại trong lời tiên tri là thiên sứ thứ hai. Sau khi thời kỳ trì hoãn chấm dứt, Ghê-đê-ôn dâng một của lễ, và lửa thiêu nuốt của lễ ấy. Ghê-đê-ôn ở vào giờ thứ chín, vì Ê-li là của lễ chiều; và giờ thứ chín là luật ngày Chủ nhật khi các lưỡi lửa của Lễ Ngũ Tuần trùng khớp. Ghê-đê-ôn đại diện cho một hạng người thấy Chúa diện đối diện, điều đã xảy ra với Đa-ni-ên trong chương mười. Khi Ghê-đê-ôn thấy lửa thiêu nuốt của lễ, bấy giờ ông nhận ra rằng mình đã giao tiếp với Chúa, Đấng ông đã thấy diện đối diện.

Ghê-đê-ôn bừng tỉnh trước thực tại này khi phép lạ về lửa xác chứng dấu chỉ, và dấu chỉ ấy chính là Ghê-đê-ôn, dũng sĩ của Đức Chúa Trời, cùng với đạo quân gồm ba trăm thầy tế lễ, tay cầm ba trăm tấm bảng của Ha-ba-cúc. Dấu chỉ, hay tiêu kỳ, chính là bản thân Ghê-đê-ôn, và đạo quân ba trăm

ấy cũng là đạo binh dũng mãnh của Ê-xê-chi-ên—đạo binh đứng dậy trong chương ba mươi bảy.

Khi đền tạm được dâng hiến trong Lê-vi Ký 9:23, 24, sau những của lễ đầu tiên của A-rôn với tư cách thượng tế, lửa từ trước mặt Đức Chúa Trời đi ra và thiêu hóa của lễ thiêu và mỡ trên bàn thờ. Dân sự kêu lớn tiếng và sấp mặt xuống, kính sợ. Điều này phải, dòng trên dòng, tương hợp với lửa của Ê-li.

Lời cầu nguyện giờ thứ chín của Ê-xơ-ra về sự phân rẽ giữa lúa mì và cỏ lùng—sự kiện diễn ra vào thời Đạo luật Chủ nhật—được ứng nghiệm khi Hội thánh chiến đấu biến đổi thành Hội thánh khai hoàn. Điều ấy cũng phải tương hợp với lửa của Ghê-đê-ôn. Ngọn lửa thiêu đốt trên của lễ đầu tiên của A-rôn—được dâng sau bảy ngày thánh hiến, vào ngày thứ tám—đã trở lại ngay trong ngày ấy và tiêu diệt hai con trai gian ác của A-rôn. Khi Đức Thánh Linh được đổ xuống cách vô hạn vào giờ thứ chín, trong thời kỳ Đạo luật Chủ nhật, sẽ có sự phân rẽ giữa hai hạng thầy tế lễ; và Hội thánh khai hoàn sẽ khởi đầu công cuộc được biểu trưng bởi con ngựa trắng của Ê-phê-sô, con ngựa đi ra để thắng và còn phải thắng. Sự xúc dầu của Hội thánh khai hoàn tìm thấy một nhân chứng thứ hai trong Đền thờ Sa-lô-môn.

Trong lễ cung hiến đền thờ của Sa-lô-môn (2 Sử ký 7:1–3), sau khi Sa-lô-môn cầu nguyện, lửa từ trời giáng xuống và thiêu nuốt của lễ thiêu cùng các tế lễ. Vinh quang của Đức Giê-hô-va đầy dẫy đền thờ, khiến dân sự thờ phượng và tuyên xưng rằng Ngài là thiện, lòng nhân từ Ngài còn đến đời đời. Đến thời luật Ngày Chúa nhật, Hội thánh khai hoàn được tôn cao trên mọi núi như một mào triều thiên và một kỳ hiệu, theo lời Xa-cha-ri và Ê-sai. Khi lửa giáng xuống trong lễ cung hiến đền thờ của Sa-lô-môn, đền thờ đầy dẫy vinh quang của Đức Giê-hô-va, tượng trưng rằng tiếng kèn thứ bảy đã hoàn tất công tác của mình trên dân Đức Chúa Trời và sấp hoàn tất chính công tác ấy trên những người làm công giờ thứ mười một. Tiếng kèn thứ bảy tượng trưng cho sự chuộc tội, tức sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính diễn ra khi Đức Chúa Jê-sus tôn cao nước vinh hiển của Ngài. Ngọn lửa đã giáng xuống tại Đền tạm của Môi-se và đền thờ của Sa-lô-môn ấy cũng là lửa phán xét cho con trai của A-rôn, cũng như đối với Đa-vít.

Lễ dâng của Đa-vít trên sân đập lúa của Araunah/Ornan trong 1 Sử ký 21:26, vào thời kỳ tai vạ do cuộc thống kê dân số của Đa-vít gây ra, đã được đáp lại bằng lửa từ trời giáng xuống trên bàn thờ, biểu thị sự chấp nhận và chấm dứt tai vạ. Tai vạ của Laodicea được chấm dứt khi lửa giáng xuống trên lễ dâng của Đa-vít để chặn đứng tai vạ do sự lệ thuộc của Ngài vào sức mạnh và sự khôn ngoan của loài người. Sự chuyển tiếp từ nhân tính sang Nhân tính Thần linh được đánh dấu khi sự chuộc tội được hoàn tất, và Hội Thánh được giương lên như một tiêu kỳ. Vào thời điểm ấy, phù hợp với Đền thờ của Sa-lô-môn, vinh quang của Đức Chúa Trời đầy dẫy đền thờ khi Thần tính được kết hiệp với nhân tính.

Chúng tôi sẽ tiếp tục khảo cứu về thời kỳ Tiếng Kêu Nửa Đêm, như được biểu trưng bởi giờ thứ ba và giờ thứ chín, trong bài viết kế tiếp.

Sau sáu ngày, Đức Giê-su đem Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng, em người, dẫn họ lên một hòn núi cao, riêng ra; và Ngài hóa hình trước mặt họ: mặt Ngài chiếu sáng như mặt trời, và y phục Ngài trắng như ánh sáng. Và, kia, Môi-se và Ê-li hiện ra trước mặt họ, đàm luận với Ngài.

Bấy giờ Phê-rô thưa với Chúa Giê-su rằng: Lạy Chúa, chúng con ở đây thì thật là điều tốt đẹp; nếu Chúa muốn, xin cho chúng con dựng tại đây ba lều: một cho Chúa, một cho Mô-sê, và một cho Ê-li-a. Khi ông còn đang nói, kìa, có một đám mây sáng bao phủ họ; và kìa, có tiếng từ đám mây phán rằng: Đây là Con yêu dấu của Ta, Đấng làm Ta đẹp lòng; các ngươi hãy nghe Người.

Và khi các môn đệ nghe điều ấy, họ sấp mặt xuống đất và rất đỗi sợ hãi. Và Đức Giê-su đến, chạm đến họ và phán: Hãy đứng dậy, đừng sợ.

Khi họ ngược mắt lên, họ không thấy ai nữa, chỉ còn một mình Đức Giê-su. Đang khi họ xuống núi, Đức Giê-su truyền dặn họ rằng: “Đừng thuật lại thị kiến ấy cho ai, cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại.” Matthêu 17:1-9.